

SCHOOL MASTER - GRADE 1

1. Lợi ích của khóa học:

Củng cố kiến thức tiếng Anh theo chương trình trên trường.
Mở rộng từ vựng qua 16 chủ đề quen thuộc.
Làm quen với Phonics và các mẫu câu giao tiếp cơ bản.

2. Cấu trúc khóa học:

Gồm 16 Unit, 4 bài ôn tập và các hoạt động Fun Time.
Học từ vựng, Phonics và mẫu câu theo từng chủ đề.
Phát triển kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết ở mức độ cơ bản.

3. Thời gian học:

Khóa học gồm 48 buổi

4. Hỗ trợ:

Luôn có đội ngũ thầy cô hỗ trợ khi con gặp vướng mắc.

BUỔI HỌC	UNIT/CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG BÀI HỌC
Get Ready 1	Say Hello!	Từ vựng – Greetings: Hello, Hi. Từ vựng – Feelings: happy, sad, angry, sleepy. Ngữ pháp: What's your name?; How are you?
Get Ready 2	Number & Age	Từ vựng – Numbers: 1–10. Ngữ pháp: How old are you?
Get Ready 3	Colourful World	Từ vựng – Colours: red, yellow, blue, green, pink. Ngữ pháp: What colour is this?
Get Ready 4	My School Things	Từ vựng – School things: pen, pencil, ruler, book, rubber. Ngữ pháp: What is this?
Get Ready 5	My Family	Từ vựng – Family members: Mom, Dad, Brother, Sister. Ngữ pháp: Who is this?

Week 1	Unit 1: In the school playground	Từ vựng – School playground: ball, bike, book. Ngữ pháp: Hi, I'm Bill.; Bye, Bill. Phonics: Bb.
Week 2	Unit 2: In the dining room	Từ vựng – Dining room objects: cake, car, cat, cup. Ngữ pháp: I have a car. Phonics: Cc.
Week 3	Review Units 1–2	Ôn tập từ vựng: School playground; Dining room objects. Ôn tập ngữ pháp: chào hỏi, giới thiệu tên; I have... Ôn tập Phonics: Bb, Cc.
Week 4	Unit 3: At the street market	Từ vựng – Street market: apple, bag, can, hat. Ngữ pháp: This is my bag. Phonics: Aa.
Week 5	Unit 4: In the bedroom	Từ vựng – Bedroom objects: desk, dog, door, duck. Ngữ pháp: This is a dog. Phonics: Dd.
Week 6	Review Units 3–4	Ôn tập từ vựng: Street market; Bedroom objects. Ôn tập ngữ pháp: This is my...; This is a... Ôn tập Phonics: Aa, Dd.
Week 7	Review giữa kì 1 – Lesson 1	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–4.
Week 8	Review giữa kì 1 – Lesson 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–4.
Week 9 – Test	Test giữa kì 1	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–4.
Week 10	Unit 5: At the fish and chip shop	Từ vựng – Food and drinks: chicken, chips, fish, milk. Ngữ pháp: I like milk. Phonics: Ii.
Week 11	Unit 6: In the classroom	Từ vựng – Classroom things: bell, pen, pencil, red. Ngữ pháp: It's a red pen. Phonics: Ee.
Week 12	Review Units 5–6	Ôn tập từ vựng: Food and drinks; Classroom things. Ôn tập ngữ pháp: I like...; It's a... Ôn tập Phonics: Ii, Ee.
Week 13	Unit 7: In the garden	Từ vựng – Garden: garden, gate, girl, goat. Ngữ pháp: There's a garden. Phonics: Gg.
Week 14	Unit 8: In the park	Từ vựng – Body parts and park words: hair, hand, head, horse. Ngữ pháp: Touch your hair. Phonics: Hh.

Week 15	Review Units 7–8	Ôn tập từ vựng: Garden; Body parts and park words. Ôn tập ngữ pháp: There's...; Touch your... Ôn tập Phonics: Gg, Hh.
Week 16	Review cuối kì 1 – Lesson 1	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–8.
Week 17	Review cuối kì 1 – Lesson 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–8.
Week 18 – Test	Test cuối kì 1	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 1–8.
Week 19	Unit 9: In the shop	Từ vựng – Shop items: clocks, locks, mops, pots. Ngữ pháp: How many clocks? – Two. Phonics: Oo.
Week 20	Unit 10: At the zoo	Từ vựng – Zoo and M words: mango, monkey, mother, mouse. Ngữ pháp: That's a monkey. Phonics: Mm.
Week 21	Review Units 9–10	Ôn tập từ vựng: Shop items; Zoo and M words. Ôn tập ngữ pháp: How many...?; That's... Ôn tập Phonics: Oo, Mm.
Week 22	Unit 11: At the bus stop	Từ vựng – Bus stop and actions: bus, run, sun, truck. Ngữ pháp: She's running.; He's running. Phonics: Uu.
Week 23	Unit 12: At the lake	Từ vựng – At the lake: lake, leaf, lemons. Ngữ pháp: Look at the lemons. Phonics: Ll.
Week 24	Review Units 11–12	Ôn tập từ vựng: Bus stop and actions; At the lake. Ôn tập ngữ pháp: He's/She's...; Look at... Ôn tập Phonics: Uu, Ll.
Week 25	Review giữa kì 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–12.
Week 26 – Test	Test giữa kì 2	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–12.
Week 27	Unit 13: In the school canteen	Từ vựng – School canteen food: bananas, noodles, nuts. Ngữ pháp: She's having noodles. Phonics: Nn.
Week 28	Unit 14: In the toy shop	Từ vựng – Toys: teddy bear, tiger, top, turtle. Ngữ pháp: I can see a tiger. Phonics: Tt.
Week 29	Review Units 13–14	Ôn tập từ vựng: School canteen food; Toys. Ôn tập ngữ pháp: She's having...; I can see... Ôn tập Phonics: Nn, Tt.

Week 30	Unit 15: At the football match	Từ vựng – F words: face, father, foot, football. Ngữ pháp: Point to your hand. Phonics: Ff.
Week 31	Unit 16: At home	Từ vựng – Home and W words: wash, water, window. Ngữ pháp: How many windows can you see? – I can see six. Phonics: Ww.
Week 32	Review Units 15–16	Ôn tập từ vựng: F words; Home and W words. Ôn tập ngữ pháp: Point to...; How many... can you see? Ôn tập Phonics: Ff, Ww.
Week 33	Review cuối kì 2	Ôn tập từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–16.
Week 34 – Test	Test cuối kì 2	Kiểm tra từ vựng, ngữ pháp và Phonics: Units 9–16.
Summer 1	Review Unit 1	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 1.
Summer 2	Review Unit 3	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 3.
Summer 3	Review Unit 4	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 4.
Summer 4	Review Unit 6	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 6.
Summer 5	Review Unit 8	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 8.
Summer 6	Review Unit 10	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 10.
Summer 7	Review Unit 11	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 11.
Summer 8	Review Unit 12	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 12.
Summer 9	Review Unit 13	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 13.
Summer 10	Review Unit 14	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 14.
Summer 11	Review Unit 15	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 15.
Summer 12	Review Unit 16	Luyện đề: từ vựng, ngữ pháp và Phonics Unit 16.